TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25/6/2020
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Vẹn;

2. Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 463/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hoàng Ph, sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ 7, khóm A, phường P, thị xã T, tỉnh An Giang;

2. Bị đơn: Chị Võ Thị Ph1, sinh năm 1978; Địa chỉ: Tổ 7, khóm A, phường P, thị xã T, tỉnh An Giang.

Anh Ph và chị Ph1 đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng Ph trình bày:

Năm 1997, anh Nguyễn Hoàng Ph và chị Võ Thị Ph1 do mai mối, được gia đình hai bên chấp nhận tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Phú, huyện Tân Châu (nay là phường Long Phú, thị xã Tân Châu) tỉnh An Giang, số đăng ký kết hôn 344/HT, ngày 16/7/2002. Sau lễ cưới, anh Ph

và chị Ph1 sống chung gia đình anh Ph.Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp, thường xuyên cãi nhau, anh Ph góp ý các vấn đề về nuôi dạy con, kinh tế gia đình, nhưng chị Ph1 không tiếp thu. Ngoài ra, chị Ph1 thiếu tôn trọng cha mẹ anh Ph, nên anh Ph có đuổi chị Ph1 ra khỏi nhà. Từ đó, chị Ph1 về cha mẹ ruột và sống xa nhau từ năm 2018 cho đến nay. Thời gian sống xa nhau, nhiều lần anh Ph đến tìm chị Ph1 để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Tháng 7/2019, anh Ph và chị Ph1 không liên lạc với nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mỗi người có cuộc sống riêng. Anh Ph yêu cầu ly hôn với chị Ph1.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh Ph và chị Ph1 có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Ph2, sinh năm 1998 (đã trưởng thành) và Nguyễn Hoàng Ch, sinh năm 2009.

Anh Ph đồng ý giao cháu Chiến cho chị Ph1 nuôi dạy và cấp dưỡng nuôi cháu Chiến 1.5000.000 đồng/tháng. Cháu Phiến đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh Ph và chị Ph1 có tạo lập tài sản chung gồm: 3.170m^2 đất nông nghiệp tọa lạc ấp Long Hậu, xã Phú Long, huyện Phú Tân mang tên Ph và Ph1, trị giá khoảng 300.000.000đồng; 2.364m^2 đất nông nghiệp tọa lạc ấp Phú An B, xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, mang tên Ph và Ph1, giá trị khoảng 200.000.000 đồng.

Anh Ph yêu cầu nhận 2.364m^2 đất nông nghiệp để và đang canh tác và đồng ý giao 3.170m^2 đất nông nghiệp cho chị Ph1 sử dụng. Ngày 24/3/2020, anh Ph có đơn rút yêu cầu khởi kiện về tài sản chung và tự thỏa thuận.

Về nợ chung*:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản ghi nhận lời khai, biên bản hòa giải quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Võ Thị Ph1 trình bày: Về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân thì chị Ph1 thống nhất với phần trình bày của anh Ph. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn gia đình thì chị Ph1 cho rằng do bất đồng quan điểm sống về kinh tế, anh Ph ít quan tâm, chăm sóc gia đình và chỉ lo cho bản thân anh Ph. Từ việc anh Ph không quan tâm chăm sóc gia đình nên khi tức giận chị Ph1 chửi anh Ph. Thời gian sống xa nhau, anh Ph có đến tìm chị Ph1 để hàn gắn tình cảm gia đình nhưng không được. Sau đó, chị Ph1 nghi ngờ anh Ph có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị Ph1 không còn tình cảm với anh Ph, mong muốn hàn gắn tình cảm gia đình để nuôi dạy các con chung.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Ph1 và anh Ph có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Ph2, sinh năm 1998 (đã trưởng thành) và Nguyễn Hoàng Ch, sinh năm 2009.

Chị Ph1 yêu cầu đoàn tụ gia đình để cùng anh Ph nuôi dạy các con chung. Nếu Tòa án cho ly hôn, chị Ph1 yêu cầu được nuôi dạy cháu Chiến, yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Ph1 và anh Ph tạo lập khối tài sản chung: 2.364m^2 diện tích đất nông nghiệp tọa lạc ấp Phú An B, xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; 2.254m^2 diện tích đất nông nghiệp tọa lạc ấp Long Hậu, xã Phú Long, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Chị Ph1 và anh Ph tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải về tình cảm và con chung giữa các đương sự nhưng không thành.

Theo biên bản lời khai ngày 05/3/2020 của cháu Nguyễn Hoàng Ch, cháu có nguyện vọng được sống chung với chị Ph1 (mẹ) đã lo cho các cháu ăn học, cuộc sống ổn định.

Biên bản xác minh ban khóm Long Quới A, phường Long Phú: Cuộc sống gia đình anh Ph và chị Ph1 không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nhiều lần anh Ph cũng có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình nhưng không thành. Chị Ph1 không có sự tôn trọng và có lời lẽ thô tục xúc phạm anh Ph và gia đình anh Ph.

Biên bản xác minh, ghi nhận ý kiến ông Nguyễn Văn Góp và bà Lê Thị Nga (cha mẹ ruột anh Ph): Cuộc sống của Ph và Ph1 không hạnh phúc, chị Ph1 có lời lẽ xúc phạm đến Ph và gia đình Ph, Ph1 thiếu sự tôn trọng bà Nga và ông Góp (cha ruột Ph) đã kéo dài nhiều năm nay. Khi xảy ra sự việc, gia đình Ph đuổi chị Ph1 đi. Sau khi chị Ph1 về nhà cha mẹ ruột sống thì Ph cũng hàn gắn tình cảm gia đình nhưng không được và sống xa nhau cho đến nay.

Biên bản lời khai anh Nguyễn Văn Mược (cùng xóm anh Ph): Cuộc sống vợ chồng của anh Ph và chị Ph1 không hạnh phúc, chị Ph1 không quan tâm chăm sóc gia đình, chị Ph1 có chửi và không tôn trọng cha mẹ anh Ph.

Biên bản lời khai ông Nguyễn Văn Phó, (cùng xóm anh Ph): Do ở gần nhà nên nghe và thấy anh Ph và chị Ph1 cãi nhau, chủ yếu là chị Ph1 chửi anh Ph. Cuộc sống vợ chồng anh Ph và chị Ph1 không hạnh phúc, về Ph1a chị Ph1 cũng có mâu thuẫn với gia đình anh Ph, thiếu tôn trọng cha mẹ anh Ph.

Biên bản lời khai bà Cù Thị Lợi (mẹ ruột chị Nguyễn Thị Lem) cho biết: Năm 2019, Lem có về thăm nhà và có mua cá của ông Ph, bà Ph1 gặp và cho rằng chị Lem có tình cảm với ông Ph. Sau đó, bà Ph1 có đến nhà bà Lợi chửi và dùng lời lẽ xúc phạm Lem.

Tại phiên tòa,

Anh Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị Ph1; đồng ý giao cháu Chiến cho chị Ph1 nuôi dạy và không cấp dưỡng nuôi con chung, cháu Phiến đã trưởng thành và có khả năng lao động; tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về tài sản chung.

Chị Ph1 thống nhất thuận tình ly hôn với anh Ph; yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu Chiến, không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con chung; đồng ý anh Ph rút yêu cầu khởi kiện về tài sản chung vì đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196, Điều 197, Điều 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét sử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận, Hôn nhân của anh Ph và chị Ph1 là hợp pháp có đăng ký kết hôntheo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, anh Ph và chị Ph1 thỏa thuận với nhau về các vấn đề trong vụ án hôn nhân gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 52, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án Ph1, lệ Ph1 Tòa án;

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hoàng Ph và chị Võ Thị Ph1.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Ph và chị Ph1 về việc giao cháu Nguyễn Hoàng Ch, sinh năm 2009 cho chị Ph1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Ph không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng Ph đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

Về án phí:Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Hoàng Ph khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Võ Thị Ph1. Chị Ph1 có đăng ký hổ khẩu thường trú: Tổ 07, khóm A, phường P, thị xã T, tỉnh An Giang; Chỗ ở hiện tại: Tổ 02, khóm Long Thạnh, phường Long Châu, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Vào khoảng 1997, anh Ph và chị Ph1 do mai mối, được hai bên gia đình chấp nhận tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Phú, huyện Tân Châu (nay là phường Long Phú, thị xã Tân Châu) tỉnh An Giang, số đăng ký kết hôn 344/HT, ngày 16/7/2002. Sau lễ cưới, chúng tôi (Ph – Ph1) sống chung gia đình anh Ph tại khóm A, phường P, thị xã T, tỉnh An Giang. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn về kinh tế. Từ năm 2018, vợ chồng sống xa nhau cho đến nay.

Anh Ph khai: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, anh Ph góp ý các vấn đề về nuôi dạy con, kinh tế gia đình thì chị Ph1 không nghe, không tiếp thu ý kiến đóng góp. Ngoài ra, chị Ph1 sống gần gia đình anh Ph nhưng thiếu tôn trọng cha mẹ anh Ph, từ đó chị Ph1 bất đồng tình cảm với cha mẹ ruột anh Ph và gia đình anh Ph khi nóng giận có đuổi chị Ph1 ra khỏi nhà và chị Ph1 bỏ về cha mẹ ruột sống từ năm 2018 cho đến nay. Thời gian sống xa nhau, nhiều lần anh Ph đến tìm chị Ph1 để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay, tình cảm vợ chồng không còn nên anh Ph kiên quyết yêu cầu ly hôn với chị Ph1.

Chị Ph1 khai: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về kinh tế, anh Ph ít quan tâm, chăm sóc gia đình và chỉ lo cho bản thân anh Ph. Từ việc anh Ph không quan tâm chăm sóc gia đình nên khi tức giận chị Ph1 chửi xúc phạm anh Ph và thiếu tôn trọng cha mẹ anh Ph. Ngoài ra, chị Ph1 nghi ngờ anh Ph có quan hệ bất chính với phụ nữ khác (tên Nguyễn Thị Lem), nhưng không chứng minh được.

Tại phiên tòa, chị Ph1 thống nhất thuận tình ly hôn với anh Ph.

Thời gian anh Ph và chị Ph1 sống xa nhau, anh Ph và chị Ph1 đã hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Anh Ph và chị Ph1 không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mỗi người có cuộc sống riêng. Tình trạng vợ chồng anh Ph và chị Ph1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Ph và chị Ph1 thống nhất thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Xét, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hoàng Ph và chị Võ Thị Ph1 theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn biên bản ghi lời khai bị đơn, biên bản hòa giải và tại phiên toà, anh Ph và chị Ph1 đồng thống nhất khai có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Ph2, sinh năm 1998 (đã trưởng thành); Nguyễn Hoàng Ch, sinh năm 2009. Chị Ph1 yêu cầu tiếp tục nuôi dạy cháu Chiến, không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Ph đồng ý giao cháu Chiến cho chị Ph1 nuôi dạy, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 05/3/2020, cháu Chiến có nguyện vọng sống chung với chị Ph1, cháu được ăn học và có cuộc sống ổn định.

Xét, giao cháu Nguyễn Hoàng Ch, sinh năm 2009 cho chị Ph1 tiếp tục nuôi dạy; anh Ph không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị Ph1 cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Ph trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Ph có đơn và yêu cầu rút khởi kiện về tài sản chung, chị Ph1 đồng ý việc anh Ph rút yêu cầu khởi kiện đối với tài sản chung. Xét, chấp nhận.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng Ph đối với chị Võ Thị Ph1 về tài sản chung. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh Ph phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm; nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 12.300.000 đồng; Anh Ph được hoàn giá trị chênh lệch 12.000.000 đồng. Chị Ph1 không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219 khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng Ph.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hoàng Ph được ly hôn chị Võ Thị Ph1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 344/HT, ngày 16/7/2002 do Ủy ban nhân dân xã Long Phú, huyện Tân Châu (nay là Ph Long Phú, thị xã Tân Châu) tỉnh An Giang cấp cho anh Nguyễn Hoàng Ph và chị Võ Thị Ph1 không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Chị Võ Thị Ph1 được nuôi tiếp tục dạy cháu Nguyễn Hoàng Ch, sinh năm 2009; anh Nguyễn Hoàng Ph không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Võ Thị Ph1 cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Hoàng Ph trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi các con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng Ph đối với chị Võ Thị Ph1 về tài sản chung:

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Anh Nguyễn Hoàng Ph phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 12.300.000 *(mười hai triệu ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai số 0002303 ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu; Anh Ph được hoàn giá trị chênh lệch là *12.000.000 (mười hai triệu) đồng*.

Chị Võ Thị Ph1 không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của anh Ph và chị Ph1 là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX. Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

Huỳnh Thị Bạch Tuyết